

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẮC PHƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẮC PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC PHUONG INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAC PHUONG INVEST

2. Mã số doanh nghiệp: 0109121884

3. Ngày thành lập: 10/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, tòa nhà 29T1 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn Lập quy hoạch xây dựng; (Điều 3 Luật Xây dựng 2014) - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình; (Điều 3 Luật Xây dựng 2014) - Khảo sát xây dựng; (Điều 153 Luật Xây dựng 2014; Khoản 26 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; (Điều 154 Luật Xây dựng 2014; Khoản 28 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Kiểm định, thí nghiệm xây dựng; (Điều 3 và Điều 155 Luật Xây dựng 2014; Khoản 33 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Giám sát thi công xây dựng; (Điều 155 Luật Xây dựng 2014; Khoản 33 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; (Chương VII Luật Xây dựng 2014 và Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng. (Khoản 30 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng).	7110
2.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
3.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị.	7730
4.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
5.	Xây dựng nhà để ở	4101
6.	Xây dựng nhà không để ở	4102
7.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9.	Xây dựng công trình điện	4221(Chính)
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

11.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
13.	Xây dựng công trình thủy	4291
14.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
15.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
16.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
17.	Phá dỡ	4311
18.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
21.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
22.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
23.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
24.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
25.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
26.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Chăn nuôi khác	0149
29.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
30.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
31.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
32.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
33.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
36.	Sản xuất cà phê	1077
37.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
38.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
39.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
40.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
41.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
42.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
43.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
44.	Sản xuất điện	3511
45.	Truyền tải và phân phối điện (Trừ Truyền tải và điều độ Hệ thống điện quốc gia)	3512
46.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610

47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
48.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
52.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh xăng dầu)	4661
53.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch, đá, xi măng, cát, sỏi. (trừ gỗ)	4663
54.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
55.	Bán buôn tổng hợp	4690
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ gỗ)	4759
57.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
59.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
60.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư.	6619
61.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động vận động hành lang)	7020

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC PHƯƠNG	Tầng 5, tòa nhà 29T1 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	6.000.000.000	60,000	0101771898	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	6.000.000.000	60,000		
2	PHẠM THỊ NHÀI	Số Ô 23.36 Lô BT7, Dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, tổ dân phố 6, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	15,000	013024571	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	15,000		

3	MAI TRỌNG THỊNH	Số Ô 23.36 Lô BT7, Dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, tổ dân phố 6, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	2.500.000.000	25,000	036076000052
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	2.500.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI TRỌNG THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 09/11/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036076000052

Ngày cấp: 12/12/2013

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số Ô 23.36 Lô BT7, Dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, tổ dân phố 6, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số Ô 23.36 Lô BT7, Dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, tổ dân phố 6, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội